

Số: 568 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 18 tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 278/TTr-TNMT ngày 14/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Bromake Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại lô CN-05, Khu công nghiệp (KCN) Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Dự án Bromake Việt Nam” tại lô CN-05, KCN Hoà Phú, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Dự án Bromake Việt Nam.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Bromake Việt Nam.

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CN-05, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2400883297 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 02/3/2020.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 8746751553 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 26/02/2020, thay đổi lần thứ năm ngày 29/02/2024.

1.5. Mã số thuế: 2400883297.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic: Sản xuất, gia công các loại khay khuôn đúc, khuôn cắt định hình (foam bảo vệ, film bảo vệ, foam-film cách điện, tape dính bảo vệ, tape dính cách điện, khay đựng chi tiết, khay đựng linh kiện, các loại nhãn mác; vải dẫn điện EMI, màng loa và các đồ nhựa dùng để gói hàng);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất, gia công các loại khay khuôn đúc, các loại nhãn mác;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa: Sản xuất, gia công bao bì bằng giấy và bìa;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu: Sản xuất, gia công sản phẩm dẫn điện bằng lá nhôm, lá đồng dùng máy tính, điện thoại thông minh và các thiết bị điện tử khác (bộ sung sản phẩm bằng lá đồng);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa rơm rạ và vật liệu tết bện: Sản xuất, gia công các loại khay, khuôn;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su: Sản xuất, gia công miếng đệm, gioăng, màng phù dùng cho máy tính điện thoại và các thiết bị điện tử khác.
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ kinh doanh còn lại chưa được phân vào đâu: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô CN-05, KCN Hoà Phú, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang với diện tích đất sử dụng là 25.000 m².
- Quy mô, công suất của dự án đầu tư: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Công suất của dự án đầu tư:

+ Sản xuất sản phẩm từ plastic: Sản xuất, gia công các loại khay, khuôn đúc, khuôn cắt định hình (foam bảo vệ, film bảo vệ, foam- film cách điện, tape dính bảo vệ, tape dính cách điện, khay đựng chi tiết, khay đựng linh kiện, các loại nhãn mác; vải dẫn điện EMI, màng loa và các đồ nhựa dùng để gói hàng): 150.000.000 sản phẩm/năm (tăng 110.000.000 sản phẩm/năm). Trong đó:

Sản xuất: 140.000.000 sản phẩm/năm.

Gia công: 10.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: sản xuất, gia công các loại khay khuôn đúc, các loại nhãn mác công suất 10.000.000 sản phẩm/năm. Trong đó:

Sản xuất: 9.000.000 sản phẩm/năm.

Gia công: 1.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa: Sản xuất, gia công bao bì bằng giấy và bìa công suất 10.000.000 sản phẩm/năm. Trong đó:

Sản xuất: 9.000.000 sản phẩm/năm.

Gia công: 1.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất khác chưa phân vào đâu: Sản xuất, gia công sản phẩm dẫn điện bằng lá nhôm dùng cho máy tính, điện thoại thông minh và các thiết bị điện tử khác công suất 10.000.000 sản phẩm/năm. Trong đó:

Sản xuất: 8.000.000 sản phẩm/năm.

Gia công: 2.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa rơm rạ và vật liệu tết bện: sản xuất, gia công các loại khay, khuôn công suất 20.000.000 sản phẩm/năm. Trong đó:

Sản xuất: 15.000.000 sản phẩm/năm.

Gia công: 5.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su: Sản xuất gia công miếng đệm, gioăng, màng phủ dành cho máy tính, điện thoại và các thiết bị điện tử khác với công suất 10.000.000 sản phẩm/năm (bổ sung mới). Trong đó:

Sản xuất: 8.000.000 sản phẩm/năm.

Gia công: 2.000.000 sản phẩm/năm.

+ Hoạt động hỗ trợ dịch vụ kinh doanh còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) đối với hàng hoá có mã HS 3919; 3920; 3926; 4823.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Bromake Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Bromake Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Bromake Việt Nam:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Hiệp Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Hiệp Hòa để kiểm tra, xem xét giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 999/QĐUBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh về việc cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Bromake Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Dự án Bromake Việt Nam” tại lô CN-05, KCN Hoà Phú, huyện Hiệp Hoà và các Giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Công ty TNHH Hòa Phú Invest, UBND huyện Hiệp Hòa, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư “Dự án Bromake Việt Nam” tại lô CN-05, KCN Hoà Phú, huyện Hiệp Hòa của Công ty TNHH Bromake Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định 369/QĐ-TNMT ngày 20/5/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang; Công ty TNHH Hòa Phú Invest; UBND huyện Hiệp Hòa; UBND xã Mai Đình; Công ty TNHH Bromake Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Bromake Việt Nam (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT. Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Hòa Phú do Công ty TNHH Hòa Phú Invest (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Hòa Phú) xây dựng, quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra môi trường (theo Công văn số 171/2020/CV-HPI ngày 16/9/2020 và hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải số 127/2021/HDDV-HPI ngày 10/10/2021 giữa Công ty TNHH Bromake Việt Nam và Công ty TNHH Hòa Phú Invest); dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải từ quá trình sản xuất được tuần hoàn sử dụng lại, không xả thải ra môi trường; lượng bột giấy không tái sử dụng được Chủ dự án hợp đồng thuê đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định về chất thải rắn công nghiệp thông thường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC ø90 về 06 bể tự hoại 3 ngăn của dự án để xử lý sơ bộ (03 bể dung tích 8 m³/bể, 01 bể dung tích 15 m³, 02 bể dung tích 3 m³/bể). Sau đó nước thải được thu gom bằng đường ống HDPE D63 (tổng chiều dài 334 m) đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, dẫn theo đường ống HDPE D40 với chiều dài 152 m và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Hòa Phú.

+ Nước thải từ nhà bếp được thu gom bằng đường ống PVC D63*7,7mm về bể tách dầu mỡ dung tích 1m³ của dự án để xử lý sơ bộ, sau đó nước thải được thu gom bằng đường ống HDPE D60 (tổng chiều dài 222 m) đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT,

cột B, dẫn theo đường ống HDPE D40 với chiều dài 152 m và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Hòa Phú.

- Nước thải sản xuất từ dây chuyền sản xuất khay, khuôn từ bột gỗ, bột tre tại khu vực xưởng 1: Hỗn hợp nước và bột trong quá trình sản xuất thường sẽ chảy hồi lại bể chứa liệu, hỗn hợp này trong quá trình sản xuất sẽ có một phần chảy về bể lắng 1 cộng với khi cần thay liệu hoặc thay đổi công thức phối liệu sẽ xả theo đường ống ra bể lắng 1, từ bể lắng số 1 hỗn hợp này được máy bơm bơm vào thiết bị sàng lọc phân tách có chức năng sàng lọc và phân tách liệu thừa và nước, một phần liệu thừa đạt tiêu chuẩn được quay lại khu vực trộn liệu để tái sử dụng cho sản xuất, một phần liệu không đạt tiêu chuẩn được thu gom, sau đó phơi khô và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Phần nước tách ra từ hỗn hợp này được thu gom về bể lắng số 2 và chảy sang bể lắng số 3 để lượng nước đảm bảo. Từ bể lắng số 3 nước đạt trạng thái nước sạch và được bơm về hệ thống chân không và bể nước trộn liệu để tuần hoàn sử dụng lại nước, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất từ dây chuyền sản xuất khay, khuôn từ bột giấy mới xưởng 3: Hỗn hợp nước và bột trong quá trình sản xuất thường sẽ được thu gom vào bể gom nước thải, sau đó hỗn hợp này chảy sang bể tách lắng để lắng sơ bộ, một phần nước sau khi được lắng đọng tại bể lắng sẽ chảy vào bể nước sạch để tuần hoàn sử dụng cho quá trình sản xuất, phần còn lại được máy bơm bơm vào thiết bị sàng lọc phân tách có chức năng sàng lọc và phân tách liệu thừa và nước. Một phần liệu thừa đạt tiêu chuẩn được đem ra phơi và tiếp tục quay lại bể chế biến bột để dùng làm nguyên liệu sản xuất, một phần liệu không đạt tiêu chuẩn được thu gom, sau đó phơi khô và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Phần nước tách ra từ hỗn hợp này được bơm về bể nước sạch để tuần hoàn sử dụng lại nước, không xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ) → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B → đầu nối hệ thống thu gom nước thải và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Hòa Phú.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học.

- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOC1 0,005 kg/m³; NaOH 1,2 kg/10 m³; PAC khoảng 3,5 kg/10 m³; PAM 0,08 kg/10 m³.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ tại khu vực xưởng 1: Hỗn hợp bột và nước → Bể chứa liệu → Bể lắng số 1 → Thiết bị sàng lọc phân tách → Bể lắng số 2 → Bể lắng số 3 → Hệ thống chân không → Bể nước trộn liệu → Tuần hoàn sử dụng lại nước.

- Tóm tắt quy trình công nghệ tại khu vực xưởng 3: Hỗn hợp bột và nước → Bể thu gom nước thải → Bể tách lắng → Thiết bị sàng lọc phân tách → Phoi bột → Bể chế biến bột.

Nước tách ra từ bể tách lắng và thiết bị sàng lọc → Bể nước sạch → Tuần hoàn sử dụng lại nước.

- Công suất thiết kế: 10m³/ngày đêm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Phương án phòng ngừa sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành), tuân thủ định mức hóa chất. Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Thường xuyên bảo dưỡng, duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, với tần suất 03 tháng/lần.

1.4.2. Phương án ứng phó sự cố

* Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải hay sự cố kỹ thuật khác:

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng để kiểm tra, kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống này để khắc phục sự cố trong vòng 01 ngày thì Chủ dự án phải thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải đem đi xử lý theo quy định.

* Khi gặp sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn cho phép:

Nước thải qua hệ thống xử lý có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể xả thải, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra và điều chỉnh lại định mức hóa chất tại bể điều hòa và hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, chủ dự án cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý. Đồng thời, thông báo cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Hòa Phú để xử lý và có phương án tiếp nhận xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải

“Dự án Bromake Việt Nam” đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả xem xét vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (là trạm xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm) tại Văn bản số 1841/TNMT-BVMT ngày 22/5/2023. Do vậy, dự án không phải thực hiện việc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang để kiểm tra, xem xét giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Hiệp Hòa để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 03 nguồn

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc thiết bị sản xuất tại khu vực các dây chuyền sản xuất nhà xưởng số 1.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc thiết bị sản xuất tại khu vực các dây chuyền sản xuất nhà xưởng số 3.

- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc thiết bị sản xuất tại khu vực các dây chuyền sản xuất nhà xưởng số 4.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiếu 3^0):

- Vị trí số 01: Tại khu vực đúc tạo hình tại nhà xưởng 1. Tọa độ: X= 2349646, Y=392669.

- Vị trí số 02: Tại khu vực tại nhà xưởng 3. Tọa độ: X= 2349569, Y= 392673.

- Vị trí số 03: Tại khu vực cắt tại nhà xưởng 4. Tọa độ: X= 2349532, Y=392682.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thiết kế bộ phận giảm âm, giảm ồn, rung cho máy móc, thiết bị.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và bôi trơn định kỳ.
- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.
- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động (như: khẩu trang, găng tay, nút tai,...) cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn và độ rung.
- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.
- Thường xuyên thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc, thiết bị, lau dầu mỡ để giảm thiểu tiếng ồn khi vận hành.
- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm hợp lý, giảm mật độ giao thông vào giờ cao điểm để không làm ảnh hưởng tới hoạt động giao thông khu công nghiệp.
- Bỏ sung dải cây xanh, vừa tăng cường cảnh quan, vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh, đồng thời, cải thiện môi trường không khí.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 45 kg/tháng, gồm:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Số lượng (kg/tháng)
1	Găng tay, giẻ lau nhiễm dầu mỡ	Rắn	18 02 01	10
2	Dầu, mỡ thải	Rắn	17 02 03	20
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	4
5	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	1
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	10
Tổng cộng				45

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 8.653,5 kg/tháng, gồm:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Đầu mẫu, bavia thừa, xốp dính keo, sản phẩm lỗi từ quá trình đúc khuôn, cắt tia khuôn khay từ bột giấy, bột gỗ, bột tre	Kg/tháng	5.102,0
2	Màng film, xốp, nhựa thừa từ quá trình dập khuôn và cắt tia sản phẩm	Kg/tháng	3.083,0
3	Bìa thừa, giấy nhẵn, bao bì carton, thùng đựng hồng, rác thải nilong	Kg/tháng	278,5

4	Đầu mẫu thừa từ quá trình sản xuất sản phẩm dẫn điện bằng lá nhôm, lá đồng	Kg/tháng	35,0
5	Bã giấy từ 02 hệ thống xử lý nước thải sản xuất	Kg/tháng	80,0
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Kg/tháng	75,0
Tổng cộng		Kg/tháng	8.653,5

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân khoảng 150 kg/ngày, thành phần chủ yếu là các chất thải thực phẩm, giấy, túi nilon, carton,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 07 thùng chứa có nắp đậy, bằng nhựa, dung tích 120 lít có dán mã chất thải nguy hại tương ứng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại

- Kho chứa chất thải nguy hại: diện tích 15,6m², bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho xây dựng khép kín, tường xây gạch bao quanh nền xi măng, mái tôn, có biển cảnh báo tại cửa ra vào. Trong kho có rãnh thu gom CTNH dạng lỏng và các vật liệu như xô cát (1 xô), xẻng phòng cho sự cố khi thùng chứa bị, rò rỉ, thủng, vỡ. Bố trí các thiết bị phòng cháy, chữa cháy (như: bình xịt chữa cháy xách tay...).

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển mang đi xử lý theo quy định (tần suất 03 tháng/lần hoặc khi kho chứa gần đầy tùy vào tình hình hoạt động sản xuất).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 08 thùng đựng rác bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng, đặt tại các khu vực sản xuất và kho chứa chất thải công nghiệp.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: gồm 02 kho (01 kho diện tích 20m² và 01 kho diện tích 14,6m²), bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch, nền bê tông, mái lợp tôn, có cửa và có biển báo.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 lần/tuần hoặc khi kho chứa gần đầy tùy vào tình hình hoạt động sản xuất).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí khoảng 14 thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 20-30 lít/thùng, đặt tại khu vực văn phòng, nhà ăn, nhà bảo vệ, khu nhà vệ sinh và kho chất thải rắn sinh hoạt.

- Bố trí 02 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 1.000 lít/thùng, đặt tại kho chứa chất thải sinh hoạt.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Kho chứa chất thải sinh hoạt: Diện tích 20 m², bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch, nền đổ bê tông, mái lợp tôn, có cửa và có biển báo.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển mang đi xử lý theo quy định, tần suất hàng ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động trở lại sau khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH Bromake Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Hoà Phú, không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 278/TTr-TNMT ngày 14/6/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.